

Số: 54/2020/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 29 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 04 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 211/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1951;

Ông Huỳnh Hồng H, sinh năm 1962;

Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

1.2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Công Đ1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

1.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, chị H ủy quyền cho ông Huỳnh Công Đ1, sinh năm 1958 cùng ngụ địa chỉ nêu trên tham gia tố tụng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Công Đ thừa nhận phần đất thuộc thửa 1085; 1086, tờ số 02, diện

tích 4.935m² (thửa mới 149, tờ số 9) theo đo đạc thực tế có diện tích 4.542,3m² hiện hộ ông đang quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 682816 ngày 24/3/2003 tọa lạc tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc là của cha mẹ của ông là Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị Y qua đời để lại.

Nay theo sự thỏa thuận của các chị em gồm bà Đ, ông H, ông B và hộ ông Đ1 đồng ý cắt phân chia phần đất nêu trên làm 4 phần cụ thể như sau:

* Phần thứ nhất: Ông Huỳnh Công Đ1 được nhận tổng diện tích 2.142m² đất (thuộc thửa 149 – 4 diện tích 71,3m² là căn nhà tường của ông Đ1); (thửa 149 – 3 diện tích 34,5m² là sân nhà); (thửa 149-2 diện tích 11m² là khu nền mộ của ông C và bà Y) và trong phần đất nêu trên có 75m² đất thổ cư.

+ Đất có thực trạng như sau:

- Hướng Đông giáp Ngô Văn Trúc V (thửa 140) và Huỳnh Văn B (thửa 148)
- Hướng Tây giáp rạch Cái Gấm
- Hướng Nam giáp đất Huỳnh Văn B
- Hướng Bắc giáp đất Trần Minh P (thửa 124) và Ngô Văn Trúc V (thửa 140).

* Phần đất thứ hai: Ông Huỳnh Văn B được nhận 800,1m² thuộc thửa (149-1-3) trong phần đất này có 75m² đất thổ cư.

+ Đất có thực trạng như sau:

- Hướng Đông giáp đất Ngô Văn Trúc V (thửa 140) và Huỳnh Văn B (thửa 148)
- Hướng Tây giáp rạch Cái Gấm.
- Hướng Nam giáp đất Huỳnh Thị Đ
- Hướng Bắc giáp đất Huỳnh Công Đ1

* Phần đất thứ ba: Bà Huỳnh Thị Đ được nhận 800,1m² (thuộc thửa 149-5-2 và thửa 149-1-2), trong phần đất này có 75m² đất thổ cư

+ Đất có thực trạng như sau:

- Hướng Đông giáp đất Huỳnh Văn B (thửa 148)
- Hướng Tây giáp rạch Cái Gấm.
- Hướng Nam giáp đất Huỳnh Hồng H
- Hướng Bắc giáp đất Huỳnh Văn B.

* Phần đất thứ tư: Ông Huỳnh Hồng H được nhận 800m² (thuộc thửa 149-1-1 và 149-5-1), trong phần đất này có 75m² đất thổ cư.

+ Đất có thực trạng như sau:

- Hướng Đông giáp đất Huỳnh Văn B (thửa 148).
- Hướng Tây giáp rạch Cái Gấm.

- Hướng Nam giáp đất Huỳnh Hồng H (thửa 150).
- Hướng Bắc giáp đất Huỳnh Thị Đ.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Đối với phần đất thuộc (thửa 149-5-2, diện tích 54.3m²) bà Đ được nhận và (thửa 149-5-1, diện tích 43.7m²) ông H được nhận là căn nhà cây của bà Huỳnh Thị Y để lại. Bà Đ, ông H, ông B không yêu cầu chia mà để cho ông Huỳnh Công Đ1 sử dụng nhưng ông Đ1 phải di dời toàn bộ căn nhà nêu trên để trả lại phần đất cho bà Đ và ông H.

Về cây trồng trên đất, ông Đ1 không yêu cầu bà Đ, ông H và ông B bồi hoàn công sức nên được ghi nhận.

Về lối đi trên các phần đất bà Đ, ông H, ông B và ông Đ1 được nhận hai bên tự thương lượng, thỏa thuận về lối đi, không yêu cầu giải quyết, nên được ghi nhận.

Đối với 01 bộ ngựa gỗ đỏ (2 tấm), 01 bộ ngựa gỗ đen (3 tấm), 01 tủ thờ bằng gỗ cẩm lai và 01 bộ lư bằng đồng, hiện ông Đ1 đang quản lý, bà Đ, ông H và ông B không yêu cầu giải quyết mà để cho ông Đ tiếp tục quản lý sử dụng nên được ghi nhận.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 682816 ngày 24/3/2003 của hộ ông Huỳnh Công Đ sang cho bà Đ, ông H, ông B có tứ cận và diện tích nêu trên cho phù hợp.

(Về chi phí thu thập chứng cứ là 3.973.000 đồng, bà Đ, ông H, ông B cùng chịu, các ông bà đã nộp đủ và đã quyết toán xong).

3. Án phí DS có giá ngạch 2,5%: Bà Đ và ông Đ là người cao tuổi nên được miễn. Ông Huỳnh Hồng H phải chịu 6.112.500 đồng (sáu triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), ông Huỳnh Văn B phải chịu 6.113.000 đồng (sáu triệu một trăm mười ba nghìn đồng).

Hoàn trả 2.829.500 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Hồng H theo biên lai thu số 0020570 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, sau khi khấu trừ vào án phí.

Hoàn trả 2.829.500 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Văn B theo biên lai thu số 0020571 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre sau khi khấu trừ vào án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Đương sự;
- Xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Tuấn